

Số: 142/2020/QĐST- HNGĐ

M, ngày 08 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

+ Cháu Nguyễn Chí K, sinh năm 2007

+ Cháu Nguyễn Chí H, sinh năm 2009

Đại diện theo pháp luật của cháu K, cháu Hào: Anh Nguyễn Xuân Truyền, sinh năm 1983

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Kim Huy, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân M kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan Đình Phùng (Nay là UBND phường Phan Đình Phùng) năm 2004, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình sống cùng nhau anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí K, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Chí H, sinh năm 2009. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu K và cháu H cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu K và cháu H thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị đều thỏa thuận thống nhất chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức:* Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí K, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Chí H, sinh năm 2009. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu K và cháu H cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu K và cháu H thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mến, anh M thỏa thuận thống nhất chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Truyền.

Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Chị M, anh M có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, về nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng

chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004317 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Chị M đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Tuấn Trọng